

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HS - PT

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà và bà Nguyễn Thị Thuý Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 do có kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị Hồi M, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024, đối với:

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị N1; có chồng là Nguyễn Như K và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Nguyễn Thị N2, sinh năm 1963 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Trần Văn L và bà Vũ Thị G (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Thanh S và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Nguyễn Thị N3, sinh năm 1985 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị N1; có chồng là anh Ngô Văn S1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Hồi M, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/10/2023 tại khu vực công trình xây dựng của nhà ông Nguyễn Thanh S (chồng bị cáo N1) có anh Đoàn Văn H đang trát vữa, do giữa bà M và gia đình ông S đang có tranh chấp về đất đai nên bà M yêu cầu anh H dừng lại không được trát vữa nữa song anh H vẫn tiếp tục làm. Bà M lấy ghế, máy bơm và thuyền ra đặt ở ngõ chung giữa hai nhà mục đích để lắp máy bơm hút nước vào thuyền rồi bơm nước lên tường mới trát nhà ông S. Lúc này bị cáo N, N3 (là con gái ông S) ra, N dùng chân phải đạp đổ ghế, N3 dùng tay phải cầm chiếc ghế ném đi thấy vậy bà M đứng đối diện chửi nhau với N3. Nhâm tay phải cầm 01 thanh kim loại, dài 85cm, chiều rộng 3,3cm, độ dày 0,1mm vụt 01 phát trúng người bà M; N3 và bà M dùng tay xô đẩy, túm tóc, cấu véo lẫn nhau, trong lúc 02 người giằng co, N tiếp tục dùng thanh kim loại vụt từ trên xuống dưới trúng vào tay, mặt và lưng của bà M. Được mọi người can ngăn, N vứt thanh kim loại xuống đất, bà M tiếp tục chửi N, N3; lúc này N1 đi ra, tay phải nhặt thanh kim loại N vừa vứt vụt 01 phát từ trên xuống dưới trúng vào người bà M, N3 và bà M tiếp tục lao vào giằng co, túm tóc lẫn nhau sau đó được mọi người can ngăn.

Khoảng 10 phút sau ông S làm trên tầng 2 nhìn thấy bà M ở dưới đang dùng máy bơm phun nước lên bức tường vừa trát vừa nhà mình nên bức xúc nhặt gạch ném trúng vào vùng vai trái bà M.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 433/KLTTCT-TTPY ngày 20/10/2023 của trung tâm P – Sở Y đối với bà Nguyễn Thị Hồi M kết luận; các kết quả chính: vùng cằm bên phải có vết sẹo nhỏ, vùng cổ bên trái có vết sẹo nhỏ. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với bà Nguyễn Thị Hồi M tại thời điểm giám định là 5%. Cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 471/KLTTCT-TTPY ngày 10/11/2023 của trung tâm P - Sở Y đối với bà Nguyễn Thị Hồi M kết luận; các kết quả chính: đầu cung mày phải có vết xước da đã bong vảy làm biến đổi tăng sắc tố, vùng cằm bên phải có vết sẹo nhỏ, vùng cổ bên trái có vết sẹo nhỏ. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với bà Nguyễn Thị Hồi M tại thời điểm giám định là 6%. Cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên.

Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thị N1, Nguyễn Thị N3 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N3 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thị N1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N3 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584,590 Bộ luật Dân sự: buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 May tổng số tiền 19.700.000 đồng, đã bồi thường được 13.500.000 đồng, mỗi bị cáo còn phải bồi thường 2.067.000 đồng. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/4/2024 bị hại gửi đơn kháng cáo, tại Quyết định về việc giải quyết kháng cáo quá hạn số 01/2024/HSPT- QĐ ngày 24/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của bà M, nội dung kháng cáo đề nghị không cho các bị cáo được hưởng án treo, xử phạt tù đối với các bị cáo để các bị cáo nhận thức rõ về hành vi sai trái của mình, không có hành động tiếp tục đe dọa, uy hiếp tinh thần, xúc phạm, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại và gia đình bị hại.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị hại giữ nguyên kháng cáo và trình bày: diện tích đất gia đình bị cáo đang xây dựng có tranh chấp với gia đình bị hại, bà đã nộp đơn đề nghị cho UBND xã Đ từ năm 2019 nhưng không được giải quyết do đó khi thấy gia đình bị cáo trát vữa bà mới có hành động phun nước lên phần vữa vừa trát. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo tập trung, lôi kéo đông người đến gia đình bị hại uy hiếp tinh thần, Công an xã Đ có hành vi bao che cho các bị cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không cho các bị cáo hưởng án treo, buộc chấp hành hình phạt tù; xem xét hành vi của C, bao che cho các bị cáo đang thuộc quyền quản lý. Đề nghị Toà án hoãn phiên toà để bị hại cung cấp tài liệu, chứng cứ về hành vi sau khi xét xử sơ thẩm của các bị cáo.

Các bị cáo xuất trình biên lai nộp số tiền bồi thường 6.200.000 đồng, và trình bày: công trình gia đình các bị cáo đang xây dựng không có tranh chấp, diện tích đất tranh chấp giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại ở vị trí khác đã được Toà án xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật, sau khi vụ án hình sự được xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo tiếp tục hoàn thiện công trình. Trước khi làm có báo cáo chính quyền địa phương, trong quá trình làm chồng bị hại là ông T có hành vi dùng dao, kéo cắt dây buộc giàn giáo trong khi có người đang đứng trên giáo để làm, việc này có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương. Các bị cáo khẳng định không có hành vi tụ tập, uy hiếp như bị hại trình bày. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, nguyên nhân xảy ra sự việc do lỗi của bị hại, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị hại thừa nhận có việc ông T dùng dao, kéo cắt dây buộc giàn giáo như các bị cáo trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, kháng cáo của bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồi M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo N, N1, N3 xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: tại Quyết định về việc giải quyết kháng cáo quá hạn số 01/2024/HSPT- QĐ ngày 24/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của bà M, do đó được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: các bị cáo đều thừa nhận do có mâu thuẫn từ trước liên quan đến tranh chấp đất, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/10/2023 tại khu vực công trình đang xây dựng nhà ông Nguyễn Thanh S, do bị hại dùng máy bơm bơm nước lên tường vừa trát vữa của gia đình các bị cáo nên các bị cáo bức xúc, bị cáo N hai lần, bị cáo N1 một lần dùng thanh kim loại vụt vào người bà M, bị cáo N3 trong quá trình cãi vã, xô xát đã dùng tay gây thương tích cho bà M, tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với bà Nguyễn Thị Hồi M tại thời điểm giám định là 6%. Do vậy Toà án sơ thẩm xử phạt các bị cáo N, N1, N3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét vai trò của các bị cáo: đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước mà do bột phát, khi thấy bà M có hành vi gây nguy hại đến tài sản của gia đình mình, bị cáo N cầm thanh kim loại vụt vào người bị hại, trong khi bị cáo N3 và bà M xô xát, giằng co, bị cáo N tiếp tục dùng thanh kim loại vụt trúng vào tay, mặt và lưng của bị hại nên bị cáo N giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo N1 dùng thanh kim loại vụt bà M một lần nên giữ vai trò thứ hai, bị cáo N3 dùng tay tóm tóc, xô đẩy bà M nên giữ vai trò sau cùng.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả và bị cáo N, N3 có bố là người có công với cách mạng, bị cáo N1 có chồng là người có công với cách mạng, được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường còn lại theo quyết định của bản án sơ thẩm, điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo.

[2.4] Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, nguyên nhân dẫn đến xảy ra vụ án cũng có một phần lỗi của bị hại. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo mà chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội, nên Toà án sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo để xử phạt tù nhưng cho bị cáo N, N1, N3 được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Tại phiên toà bị hại không xuất trình chứng cứ gì mới, lý do bà M đề nghị HĐXX phúc thẩm hoãn phiên toà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 352 Bộ luật tố tụng hình sự nên không được chấp nhận.

[2.6] Từ những phân tích trên, thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.7] Các nội dung kháng cáo khác do bà M trình bày tại phiên toà phúc thẩm không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị hại không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Hồi M, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Hồi M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 27 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA h. Tiền Hải;
- Chi cục THADS h. Tiền Hải;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

